

**CÔNG TY TNHH NỘI THẤT BẢO LONG GLOBAL**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH NỘI THẤT BẢO LONG GLOBAL

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BAO LONG GLOBAL INTERIOR COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: BAO LONG GLOBAL

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110647706

**3. Ngày thành lập:** 13/03/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 130 đường Hoàng Công Chất, Phường Phú Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0931.252.333

Fax:

Email: [noithatbaolongglobal@gmail.com](mailto:noithatbaolongglobal@gmail.com) Website: [www.noithatbaolong.com.vn](http://www.noithatbaolong.com.vn)

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                              | 4322     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4329     |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4330     |
| 4.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4641     |
| 5.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu | 4649     |
| 6.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng: máy photocopy, máy chiếu, đèn chiếu, máy hủy giấy, máy fax                                                                                                                                      | 4659     |
| 7.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                            | 4663     |
| 8.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn mực in, bán buôn mực giấy                                                                                                                                                                                                                  | 4669     |
| 9.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>Chi tiết: Việc tổ chức, xúc tiến và/hoặc quản lý các sự kiện, như kinh doanh hoặc triển lãm, giới thiệu, hội nghị, có hoặc không có quản lý và cung cấp nhân viên đảm nhận những vấn đề tổ chức                                                                       | 8230     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                     |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 10. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (Trừ hoạt động đầu giá)                                                                                                                         | 8299        |
| 11. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi<br>Chi tiết: Sửa chữa máy in                                                                                                                                                                                                              | 9511        |
| 12. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7310(Chính) |
| 13. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất                                                                                                                                                                                                            | 7410        |
| 14. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                              | 7710        |
| 15. | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                                               | 1811        |
| 16. | Dịch vụ liên quan đến in<br>(Trừ rập khuôn tem)                                                                                                                                                                                                                                     | 1812        |
| 17. | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét                                                                                                                                                                                                                                               | 2392        |
| 18. | Sản xuất linh kiện điện tử<br>Chi tiết: Sản xuất bóng đèn di-ot phát sáng (LED)                                                                                                                                                                                                     | 2610        |
| 19. | Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng                                                                                                                                                                                                                                                   | 2740        |
| 20. | Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng                                                                                                                                                                                                                                               | 2824        |
| 21. | Sản xuất máy chuyên dụng khác<br>Chi tiết: Sản xuất máy sản xuất vật liệu xây dựng                                                                                                                                                                                                  | 2829        |
| 22. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm, vật phẩm vệ sinh; Bán lẻ thảm treo tường, thảm trải sàn, đệm, chăn màn; Bán lẻ sách, truyện, báo, tạp chí; Bán lẻ trò chơi và đồ chơi; Bán lẻ thiết bị, đồ dùng gia đình, hàng điện tử tiêu dùng; | 4789        |
| 23. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Trừ hoạt động đầu giá)                                                                                                                                                                                                  | 4791        |
| 24. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                                                                                                                                | 4933        |
| 25. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết: Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng và kỹ thuật dân dụng không kèm người điều khiển                                                                                                   | 7730        |
| 26. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                                                                                                                                       | 3100        |
| 27. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4101        |
| 28. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                             | 4102        |
| 29. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                       | 4211        |
| 30. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                        | 4212        |
| 31. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                                                            | 4221        |
| 32. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                 | 4222        |
| 33. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                                                                                  | 4223        |
| 34. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                                                                                   | 4229        |
| 35. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                                                                                            | 4291        |

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 36. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                         | 4292 |
| 37. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                   | 4293 |
| 38. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                              | 4299 |
| 39. | Phá dỡ<br>(không gồm hoạt động nổ mìn; rà phá bom, mìn)                                                                                                                 | 4311 |
| 40. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(không gồm hoạt động nổ mìn; rà phá bom, mìn)                                                                                                      | 4312 |
| 41. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                   | 4321 |
| 42. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752 |
| 43. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                             | 4753 |
| 44. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |
| 45. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                | 4761 |
| 46. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                        | 4771 |
| 47. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ súng đạn, tem, tiền kim khí, kinh doanh vàng)                                                      | 4773 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

### 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: TRẦN MẠNH LINH

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 20/10/1984 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 040084001182

Ngày cấp: 02/01/2023

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: P301, tòa Intracom 2, đường Cầu Diễn, tổ 10, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: P301, tòa Intracom 2, đường Cầu Diễn, tổ 10, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRẦN MẠNH LINH

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 20/10/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 040084001182

Ngày cấp: 02/01/2023

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *P301, tòa Intracom 2, đường Cầu Diễn, tổ 10, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *P301, tòa Intracom 2, đường Cầu Diễn, tổ 10, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội